

(Đề gồm có 2 trang)

MÃ ĐỀ 904

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN. (3 điểm)

Câu 1: Cho chuỗi $s = \text{"THPT Quế Sơn"}$. Biểu thức $s.find(\text{"Quế"})$ sẽ trả về giá trị nào?

- A. 4. B. 5. C. 0. D. True.

Câu 2: Phần tử thứ bao nhiêu trong mảng A bị xóa?

$A = [10, 20, 3, 30, 20, 30, 20, 6, 3, 2, 8, 9]$

A. $remove(3)$

- A. 3. B. 2. C. 12. D. 4.

Câu 3: Cho $A = [2, 8, 4, 7]$ thực hiện lệnh gì trong các lệnh sau để có kết quả $A = [2, 8, 4, 7, 20]$.

- A. $A.append[20]$. B. $append(20)$. C. $A.append(20)$. D. $append[20]$.

Câu 4: def tổng(m,n) để tính tổng của 2 số nguyên, vậy các giá trị (m,n) trong câu lệnh def tổng(m,n) gọi là

- A. Tham số. B. Đối số. C. Biến. D. Hằng.

Câu 5: Từ khóa nào dùng để khai báo hàm người dùng tự định nghĩa

- A. def. B. deg. C. return. D. print.

Câu 6: Mã lỗi ngoại lệ của lệnh: $int(\text{"abc"})$ là gì?

- A. TypeError. B. NameError. C. ValueError. D. IndexError.

Câu 7: Trong định nghĩa của hàm có thể có bao nhiêu từ khóa return?

- A. 3. B. 1. C. 2. D. Không hạn chế.

Câu 8: Cho kiểu danh sách A có phần tử x, thực hiện lệnh $A.remove(x)$ và 2 lệnh $A.append(y)$ thì $len(A)$ là 7. Số phần tử ban đầu của A là.

- A. 8. B. 7. C. 5. D. 6.

Câu 9: Cho $A = [5, 6, 7, 2, 4, 10]$. Lệnh $len(A)$ cho kết quả là nào?.

- A. 6. B. 4. C. 5. D. 2.

Câu 10: Lệnh nào sau đây xóa phần tử thứ 4 khỏi danh sách A.

- A. $A.del(4)$. B. $A.del(A[4])$. C. $del(A[4])$. D. $del[A(4)]$.

Câu 11: Cho $A = [5, 6, 7, 2, 4]$. Lệnh $A[2]$ cho kết quả là gì?

- A. 2. B. 6. C. 5. D. 7.

Câu 12: Toán tử in trong câu lệnh $if \langle \text{xâu}_1 \rangle in \langle \text{xâu}_2 \rangle$: được dùng để làm gì?

- A. Đếm số lần xuất hiện của xâu_1 trong xâu_2 .
B. Kiểm tra xem xâu_1 có nằm trong xâu_2 hay không.
C. Nối hai chuỗi lại với nhau.
D. Xóa chuỗi xâu_1 khỏi chuỗi xâu_2 .

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/ SAI. (4 điểm) Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Về các loại lỗi trong chương trình

- a) Lỗi cú pháp (Syntax Error) xảy ra khi chương trình vi phạm các quy tắc viết câu lệnh của Python.
- b) Lỗi ngoại lệ (Runtime Error) chỉ xuất hiện khi chương trình đang chạy.
- c) Lỗi logic là loại lỗi dễ phát hiện nhất vì Python sẽ báo lỗi ngay khi soạn thảo.
- d) Chia một số cho số 0 là một ví dụ điển hình của lỗi cú pháp.

Câu 2: Về định nghĩa và cú pháp hàm

- a) Tên hàm có thể đặt tùy ý, kể cả bắt đầu bằng chữ số.
- b) Mọi hàm trong Python bắt buộc phải có lệnh return.
- c) Một hàm có thể có hoặc không có tham số truyền vào.
- d) Từ khóa def được dùng để bắt đầu định nghĩa một hàm.

Câu 3: Về tham số và cách sử dụng hàm

- a) Một hàm chỉ có thể được gọi tối đa một lần trong toàn bộ chương trình.
- b) Các tham số khi định nghĩa hàm được gọi là tham số hình thức.
- c) Giá trị truyền vào khi gọi hàm được gọi là đối số (tham số thực sự).
- d) Kiểu dữ liệu của đối số truyền vào phải phù hợp với mục đích sử dụng trong hàm.

Câu 4: Về tham số và phạm vi biến

- a) Biến khai báo bên trong hàm là biến cục bộ, chỉ có tác dụng trong hàm đó.
- b) Tham số của hàm được đặt trong cặp ngoặc đơn () ngay sau tên hàm.
- c) Khi gọi hàm, thứ tự các đối số truyền vào không quan trọng.
- d) Hàm giúp tái sử dụng mã nguồn và làm chương trình gọn gàng hơn.

III. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1: Nêu cú pháp thiết lập hàm có trả lại giá trị. Nêu cú pháp thiết lập hàm không trả lại giá trị. (1 điểm).

Câu 2: Viết chương trình đầy đủ, nhập vào 3 số nguyên, in ra tổng của 3 số nguyên đó, trong chương trình yêu cầu sử dụng chương trình con (hàm) tính tổng 2 số nguyên. (2 điểm)